TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 250/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 13/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 08,09/5/2021

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT1248	Đinh Hải	Anh	21/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	DBG007232	CNTT/21/1225	Đạt	
2	CNTT1249	Hà Việt	Anh	20/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,5	DBG007233	CNTT/21/1226	Đạt	
3	CNTT1250	Hoàng Tuấn	Anh	17/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,0	DBG007234	CNTT/21/1227	Đạt	
4	CNTT1251	Ngô Thị Ngọc	Ánh	06/11/2000	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,5	8,0	DBG007235	CNTT/21/1228	Đạt	
5	CNTT1252	Lâm Thị	Bé	26/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,5	DBG007236	CNTT/21/1229	Đạt	
6	CNTT1253	Hoàng Công	Binh	17/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	DBG007237	CNTT/21/1230	Đạt	
7	CNTT1254	Nguyễn Thanh	Bình	18/06/1980	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	8,0	DBG007238	CNTT/21/1231	Đạt	
8	CNTT1255	Hứa Văn	Chung	08/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	DBG007239	CNTT/21/1232	Đạt	
9	CNTT1256	Triệu Đức	Duy	11/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	DBG007240	CNTT/21/1233	Đạt	
10	CNTT1257	Tạ Quang	Dương	08/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	5,0	DBG007241	CNTT/21/1234	Đạt	
11	CNTT1258	Hoàng Thành	Đạt	25/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	DBG007242	CNTT/21/1235	Đạt	
12	CNTT1259	Nông Thanh	Đạt	22/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,5	DBG007243	CNTT/21/1236	Đạt	
13	CNTT1260	Hoàng Thị	Giới	12/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,0	DBG007244	CNTT/21/1237	Đạt	
14	CNTT1261	Nguyễn Mạnh	Hào	21/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG007245	CNTT/21/1238	Đạt	
15	CNTT1262	Lý Văn	Hiền	08/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	DBG007246	CNTT/21/1239	Đạt	
16	CNTT1263	Đặng Quốc	Hiện	17/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	DBG007247	CNTT/21/1240	Đạt	
17	CNTT1264	Hoàng Văn	Hiệp	13/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,0	DBG007248	CNTT/21/1241	Đạt	
18	CNTT1265	Đặng Nhật	Minh	17/03/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG007249	CNTT/21/1242	Đạt	
19	CNTT1266	Hoàng Thanh	Bình	27/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	DBG007250	CNTT/21/1243	Đạt	
20	CNTT1267	Nông Trung	Chiến	07/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	DBG007251	CNTT/21/1244	Đạt	
21	CNTT1268	Hoàng Minh	Duẩn	07/03/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	8,0	DBG007252	CNTT/21/1245	Đạt	
22	CNTT1269	Nông Đức	Hải	27/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG007253	CNTT/21/1246	Đạt	
23	CNTT1270	Hoàng Văn	Hiệp	12/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	DBG007254	CNTT/21/1247	Đạt	
24	CNTT1271	Lương Đình	Hiếu	14/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,0	DBG007255	CNTT/21/1248	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
25	CNTT1272	Hà Văn	Hoàng	05/10/2003	Đắk Lắk	Nam	Nùng	6,0	5,5	DBG007256	CNTT/21/1249	Đạt	
26	CNTT1273	Hoàng Thị	Hường	21/03/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	DBG007257	CNTT/21/1250	Đạt	
27	CNTT1274	Nguyễn Thị	Hường	27/12/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	8,0	DBG007258	CNTT/21/1251	Đạt	
28	CNTT1275	Nguyễn Thu	Hường	22/03/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	8,5	DBG007259	CNTT/21/1252	Đạt	
29	CNTT1276	Triệu Thị	Na	01/01/1990	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	8,5	DBG007260	CNTT/21/1253	Đạt	
30	CNTT1277	Hoàng Thị	Nghệ	08/02/1985	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	8,2	8,5	DBG007261	CNTT/21/1254	Đạt	
31	CNTT1278	Phạm Hồng	Ngọc	24/09/1988	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	7,7	8,0	DBG007262	CNTT/21/1255	Đạt	
32	CNTT1279	Nguyễn Long	Nhật	21/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,0	DBG007263	CNTT/21/1256	Đạt	
33	CNTT1280	Đinh Mạnh	Quang	05/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	6,0	DBG007264	CNTT/21/1257	Đạt	
34	CNTT1281	Lý Đình	Quý	28/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	DBG007265	CNTT/21/1258	Đạt	
35	CNTT1282	Đặng Thu	Quyên	13/05/1983	Lạng Sơn	Nữ	Mường	7,5	8,5	DBG007266	CNTT/21/1259	Đạt	
36	CNTT1283	Hoàng Văn	Thảo	11/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	DBG007267	CNTT/21/1260	Đạt	
37	CNTT1284	Hoàng Thị Hồng	Thắm	19/02/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,0	8,5	DBG007268	CNTT/21/1261	Đạt	
38	CNTT1285	Hoàng Văn	Tuân	04/12/1999	Lạng Sơn	Nam	Tày	8,2	7,5	DBG007269	CNTT/21/1262	Đạt	
39	CNTT1286	Ngô Quốc	Tuấn	20/09/1992	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,7	8,0	DBG007270	CNTT/21/1263	Đạt	
40	CNTT1287	Vy Văn	Tuấn	25/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	DBG007271	CNTT/21/1264	Đạt	
41	CNTT1288	Nông Minh	Hiếu	07/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	DBG007272	CNTT/21/1265	Đạt	
42	CNTT1289	Hứa Thị	Hoa	11/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,5	DBG007273	CNTT/21/1266	Đạt	
43	CNTT1290	Lê Xuân	Huy	24/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	DBG007274	CNTT/21/1267	Đạt	
44	CNTT1291	Lý Quang	Hướng	18/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	5,0	DBG007275	CNTT/21/1268	Đạt	
45	CNTT1292	Triệu Văn	Kết	09/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,2	5,5	DBG007276	CNTT/21/1269	Đạt	
46	CNTT1293	Lâm Đình	Khải	17/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	DBG007277	CNTT/21/1270	Đạt	
47	CNTT1294	Tô Quốc	Khanh	16/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,5	DBG007279	CNTT/21/1271	Đạt	
48	CNTT1295	Hoàng Văn	Khánh	03/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	DBG007280	CNTT/21/1272	Đạt	
49	CNTT1296	Nguyễn Văn	Khuyến	20/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,5	DBG007281	CNTT/21/1273	Đạt	
50	CNTT1297	Đàm Khánh	Linh	11/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	DBG007282	CNTT/21/1274	Đạt	
51	CNTT1298	Hoàng Nam	Long	24/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	DBG007283	CNTT/21/1275	Đạt	
52	CNTT1299	Lương Văn	Lộc	05/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	DBG007284	CNTT/21/1276	Đạt	
53	CNTT1300	Lê Bình	Minh	18/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG007285	CNTT/21/1277	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
54	CNTT1301	Hoàng Văn	Nam	19/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	DBG007286	CNTT/21/1278	Đạt	
55	CNTT1302	Triệu Thị	Nảy	18/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Dao	5,7	5,5	DBG007287	CNTT/21/1279	Đạt	
56	CNTT1303	Phùng Thị	Nhân	03/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,5	DBG007288	CNTT/21/1280	Đạt	
57	CNTT1304	Nguyễn Đăng Trần	Phi	26/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	6,0	DBG007289	CNTT/21/1281	Đạt	
58	CNTT1305	Nguyễn Thanh	Quang	12/12/1999	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	8,5	DBG007290	CNTT/21/1282	Đạt	
59	CNTT1306	Nông Ngọc	Quang	10/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,0	DBG007291	CNTT/21/1283	Đạt	
60	CNTT1307	Nguyễn Trĩ	Quảng	23/05/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	DBG007292	CNTT/21/1284	Đạt	
61	CNTT1308	Vi Thị Kim	Sen	27/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	DBG007293	CNTT/21/1285	Đạt	
62	CNTT1309	Hoàng Thanh	Sơn	13/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,5	DBG007294	CNTT/21/1286	Đạt	
63	CNTT1310	Triệu Văn	Sơn	15/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,2	6,0	DBG007295	CNTT/21/1287	Đạt	
64	CNTT1311	Nguyễn Văn	Thanh	01/02/1985	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,0	8,5	DBG007296	CNTT/21/1288	Đạt	
65	CNTT1312	Âu Văn	Thành	03/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	DBG007297	CNTT/21/1289	Đạt	
66	CNTT1313	Đoàn Long	Thành	06/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,0	DBG007298	CNTT/21/1290	Đạt	
67	CNTT1314	Hoàng Văn	Thắng	30/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,0	DBG007299	CNTT/21/1291	Đạt	
68	CNTT1315	Lương Văn	Thỏa	04/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	DBG007300	CNTT/21/1292	Đạt	
69	CNTT1316	Lương Thị	Thơm	17/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	5,5	DBG007301	CNTT/21/1293	Đạt	
70	CNTT1317	Phan Văn	Thụ	28/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	DBG007302	CNTT/21/1294	Đạt	
71	CNTT1318	Hoàng Viết	Thuận	24/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,5	DBG007303	CNTT/21/1295	Đạt	
72	CNTT1319	Hà Văn	Thuật	09/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,0	DBG007304	CNTT/21/1296	Đạt	
73	CNTT1320	Lăng Thị	Thương	04/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	5,5	DBG007305	CNTT/21/1297	Đạt	
74	CNTT1321	Vương Văn	Tiến	27/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	DBG007306	CNTT/21/1298	Đạt	
75	CNTT1322	Hoàng Xuân	Tỉnh	16/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG007307	CNTT/21/1299	Đạt	
76	CNTT1323	Triệu Minh	Tốt	22/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	DBG007308	CNTT/21/1300	Đạt	
77	CNTT1324	Hứa Văn	Trấn	19/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	6,0	DBG007309	CNTT/21/1301	Đạt	
78	CNTT1325	Lý Văn	Tùng	04/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	DBG007310	CNTT/21/1302	Đạt	
79	CNTT1326	Lăng Thị	Uyến	06/10/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,5	DBG007311	CNTT/21/1303	Đạt	
80	CNTT1327	Phùng Thị	Vân	25/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	DBG007312	CNTT/21/1304	Đạt	
81	CNTT1328	Lương Quốc	Việt	20/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	DBG007313	CNTT/21/1305	Đạt	
82	CNTT1329	Thân Văn	Xuân	04/05/1988	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	8,0	DBG007314	CNTT/21/1306	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
83	CNTT1330	Hoàng Văn	Bộ	15/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	DBG007315	CNTT/21/1307	Đạt	
84	CNTT1331	Lý Thị Hồng	Diệp	07/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	6,5	DBG007316	CNTT/21/1308	Đạt	
85	CNTT1332	Đàm Thị	Duyên	02/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	DBG007317	CNTT/21/1309	Đạt	
86	CNTT1333	Vi Thị	Đào	25/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	5,0	DBG007318	CNTT/21/1310	Đạt	
87	CNTT1334	Đàm Thị	Hiền	13/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,0	DBG007319	CNTT/21/1311	Đạt	
88	CNTT1335	Lý Thị	Hiền	02/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	6,0	DBG007320	CNTT/21/1312	Đạt	
89	CNTT1336	Chu Văn	Hòa	02/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,7	5,5	DBG007321	CNTT/21/1313	Đạt	
90	CNTT1337	Chu Thị	Huyền	14/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	5,0	DBG007322	CNTT/21/1314	Đạt	
91	CNTT1338	Hà Thị	Hương	18/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	5,0	DBG007323	CNTT/21/1315	Đạt	
92	CNTT1339	Vi Thị	Len	27/06/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	DBG007324	CNTT/21/1316	Đạt	
93	CNTT1340	Vũ Thùy	Linh	12/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,5	5,5	DBG007325	CNTT/21/1317	Đạt	
94	CNTT1341	Đàm Thị	Mai	26/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,5	DBG007326	CNTT/21/1318	Đạt	
95	CNTT1342	Phan Thị	Mai	18/11/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,0	DBG007327	CNTT/21/1319	Đạt	
96	CNTT1343	Lương Thị	Nghiệp	03/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	6,5	DBG007328	CNTT/21/1320	Đạt	
97	CNTT1344	Hoàng Mai	Ngọc	29/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	DBG007329	CNTT/21/1321	Đạt	
98	CNTT1345	Hoàng Ngọc	Nhi	04/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,0	DBG007330	CNTT/21/1322	Đạt	
99	CNTT1346	Lộc Tiến	Phong	03/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	DBG007331	CNTT/21/1323	Đạt	
100	CNTT1347	Hoàng Thị	Quế	25/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	5,0	DBG007332	CNTT/21/1324	Đạt	
101	CNTT1348	Sầm Thị	Sự	26/06/1992	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	6,0	DBG007333	CNTT/21/1325	Đạt	
102	CNTT1349	Nông Thị	Thào	18/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	DBG007334	CNTT/21/1326	Đạt	
103	CNTT1350	Tô Xuân	Thơ	14/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	DBG007335	CNTT/21/1327	Đạt	
104	CNTT1351	Hoàng Thị	Thuần	13/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	5,0	DBG007336	CNTT/21/1328	Đạt	
105	CNTT1352	Lăng Thị Thu	Thúy	12/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,0	DBG007337	CNTT/21/1329	Đạt	
106	CNTT1353	Vi Thị	Trang	07/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,0	DBG007338	CNTT/21/1330	Đạt	
107	CNTT1354	Chu Thị Tố	Uyên	05/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,7	5,5	DBG007339	CNTT/21/1331	Đạt	
108	CNTT1355	Nguyễn Thị	Yến	18/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	5,0	DBG007340	CNTT/21/1332	Đạt	

Danh sách gồm 108 người./.